**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 323
Ngày: 29/10/2025
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/THAIBINHSEED COMPANY/2026

## I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed thuộc Công ty CP Tập đoàn ThaiBinh Seed.
- Địa chỉ: Số 36, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 02273.851.245
- Email: congtyluongthuc@thaibinhseed.vn
- Mã số thuế: 1001060282
- Đơn vị sản xuất: Địa điểm kinh doanh công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed
- Địa chỉ: thôn 1, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ sau sắp xếp tổ chức lại và đổi tên thôn).
- Mã số: 1001060282 – 00001
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Số 100/2024/NNPTNT-TB-QLCL do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình cấp ngày 25 tháng 12 năm 2024.

## II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

**1.** Tên sản phẩm: Gạo Nhất Hương

**2.** Thành phần: 100% gạo Nhất Hương

**3.** Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bao hút chân không 1kg: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bao 3kg, 5kg, 10kg: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bao 20kg, 25kg, 40kg, 50kg: 04 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4.** Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Bao 1kg, 3kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg, 40kg, 50kg hoặc đóng gói với khối lượng quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ PA, PE và PP... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm** *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*: không

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

**IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed thuộc Công ty CP Tập đoàn ThaiBinh Seed cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức giới hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng Aflatoxin B1 | µg/kg | 5 |
| 2 | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) | µg/kg | 10 |
| 3 | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/kg | 3 |

- QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức giới hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng kim loại chì (Pb) | mg/kg | 0,2 |
| 2 | Hàm lượng kim loại Cadimi (Cd) | mg/kg | 0,4 |
| 3 | Hàm lượng Asen | mg/kg | 1,0 |

- Sản phẩm gạo Nhất Hương đạt chất lượng theo TCVN 11888:2017 về gạo trắng

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực

phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Hưng Yên, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 1001[illegible]282
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
TỈNH HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Hồng Duyên

# PHỤ LỤC 1: MẪU DỰ KIẾN NHÃN SẢN PHẨM

*(Đính kèm tự công bố số: 03/THAIBINHSEED COMPANY/2026)*

**1. Tên sản phẩm: Gạo Nhất Hương**

**2. Thành phần**: 100% gạo Nhất Hương

**3. Hướng dẫn sử dụng**:

Bước 1: Đong gạo theo nhu cầu, vo nhẹ

Bước 2: Cho nước và gạo theo tỉ lệ 1,1 – 1,2 lít nước/ 1kg gạo

Bước 3: Nấu cơm. Sau khi cơm sôi, giữ ấm 20 phút trước khi thưởng thức

**4. Hướng dẫn bảo quản**: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh côn trùng sống, tránh mùi lạ

**5. Thông tin khuyến cáo**: Không sử dụng khi sản phẩm đã đổi màu hoặc có mùi lạ

**6. Khối lượng tịnh:** … kg

**7. NSX, HSD:** in trên bao bì

**8. SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN THAIBINH SEED**

**Trụ sở chính:** Số 36, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

**Nơi sản xuất**: Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed

**Địa chỉ**: Thôn 1, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên

**Tel**: 02273.851.245

**Email:** congtyluongthuc@thaibinhseed.vn

**10. Xuất xứ tại:** Việt Nam

| Mã QR | Mã vạch |
|---|---|

# CÔNG TY CỔ PHẦN TECHLAB GLOBAL

## TEST REPORT/
## *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

### I. CLIENT INFORMATION/ *THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:*

| | | |
|---|---|---|
| Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) | : | CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED |
| Address (*Địa chỉ*) | : | Số 36, Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên |

### II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ *THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:*

| | | |
|---|---|---|
| JOB No. (*Số phiếu yêu cầu phân tích*) | : | TL260814008 |
| Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) | : | Gạo Nhất Hương |
| Sample description (*Mô tả mẫu*) | : | Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn |
| Seal No (*Số niêm*) | : | Không niêm phong |
| Source of sample (*Nguồn mẫu*) | : | Khách hàng gửi mẫu |
| Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) | : | 14/08/2026 |
| Testing time (*Thời gian thử nghiệm*) | : | 14/08/2026 - 21/08/2026 |
| Report date (*Ngày trả kết quả*) | : | 21/08/2026 |
| Test results (*Kết quả thử nghiệm*) | : | (See next page/ *Xem trang sau*) |

Note / *Ghi chú:*

1. (*) The test was performed by a subcontracted laboratory evaluated and approved by TECHLAB/ *Chỉ tiêu được thực hiện tại phòng thử nghiệm hợp đồng phụ đã được TECHLAB đánh giá và phê duyệt.*
2. (1) Parameter is accredited *ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
3. (2) Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan nhà nước / Test parameters specified by a state authority
4. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<1,8;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
5. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our TECHLAB Terms and Conditions. TECHLAB only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của* TECHLAB. *TECHLAB chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả*
6. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of TECHLAB is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện TECHLAB*

**Authorized Technical Representative/**
***Phụ trách kỹ thuật***

***NGUYỄN TUẤN ANH***

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2157 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 28-10-2026
Người thực hiện chứng thực ký

**On behalf of TECHLLAB**
***Đại diện TECHLAB***

***HOÀNG VĂN HUYNH***

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
*Nguyễn Thị Ngân*

# TEST REPORT/
# *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

**Code/** *Mã mẫu:* TL260814008/3

**Sample name/** *Tên mẫu:* Gạo

**Information provided by applicant/** *Thông tin được khách hàng cung cấp* Gạo Nhất Hương

| STT | Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích* | Test Method/ *Phương pháp* | Unit/ *Đơn vị* | LOD | Result/ *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ ẩm(1) | TLG-HH1134 Ref. AOAC 931.04 | % | 0,030 | 11,2 |
| 2 | Asen (As)(1) | AOAC 986.15 | mg/kg | 0,010 | 0,075 |
| 3 | Ochratoxin A(1)(*) | MKL-HH331 Ref.TCVN 9724:2013 | µg/kg | 1,00 | ND |
| 4 | Aflatoxin B1(1)(*) | MKL-HH307 Ref: TCVN 7596:2007(ISO 16050: 2003) | µg/kg | 0,500 | ND |
| 5 | Aflatoxin tổng số(1)(*) | MKL-HH307 Ref: TCVN 7596:2007(ISO 16050: 2003) | µg/kg | 0,500 | ND |
| 6 | Cadimi (Cd)(1)(*) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0,002 | 0,054 |
| 7 | Chì (Pb)(1)(*) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0,016 | 0,029<LOQ (0,050) |
| 8 | Cảm quan (Trạng thái)(*) | MKL-HH223 Ref. TCVN 3215:1979 | / | / | Dạng hạt khô, rời, không có hiện tượng nấm mốc hay bất thường |
| 9 | Cảm quan (Màu sắc)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Màu trắng ngà đặc trưng cho sản phẩm |
| 10 | Cảm quan (Vị)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Vị ngọt nhẹ khi nhai kỹ, đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ |
| 11 | Cảm quan (Mùi)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Mùi đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ |
| 12 | Dư lượng TBVTV nhóm Chlor hữu cơ(1)(*) | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/3 | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/3 | | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/3 |

# TEST REPORT/
# *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

**APPENDIX/ PHỤ LỤC:**

| | |
|---|---|
| **Code/** *Mã mẫu:* | **TL260814008/3** |
| **Sample name/** *Tên mẫu:* | Gạo |
| **Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* | Gạo Nhất Hương |

| **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Substance/** *Chất* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| Dư lượng TBVTV nhóm Chlor hữu cơ(1)(*) | Dicofol-p,p'-(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan I (alpha isomer)(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Aldrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Alpha-BHC(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Beta-BHC(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Chlordane-cis(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Chlordane-trans(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDD-o,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDD-p,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDE-p,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDE-o,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDT-o,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDT-p,p'(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Delta-BHC(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Dieldrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |

# TEST REPORT/
# *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

**APPENDIX/ PHỤ LỤC:**

**Code/** *Mã mẫu:* TL260814008/3

**Sample name/** *Tên mẫu:* Gạo

**Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* Gạo Nhất Hương

| **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Substance/** *Chất* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| | Endosulfan ether(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan II (beta isomer)(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan sulfate(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin aldehyde(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin ketone(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Gamma-BHC (Lindane)(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Heptachlor(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Heptachlor exo-epoxide(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Hexachlorobenzene(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Isodrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Methoxychlor olefin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Methoxychlor, p,p'-(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Mirex(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Nonachlor, trans-(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |

BẢN SAO

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

**Mã số doanh nghiệp: 1001060282**

*Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 03 năm 2015*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 13 tháng 03 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAIBINH SEED FOODS TRADING ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THAIBINH SEED COMPANY

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Điện thoại: *02273.851.130 - 02273.851.245* Fax: *02273.851.121*

Email: Website: *thaibinhseed.com.vn*

**3. Vốn điều lệ :** 2.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAIBINH SEED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *1000215462*

Ngày cấp: *21/04/2022* Nơi cấp: *Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

* Họ và tên: BÙI QUANG TUẤN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *01/06/1982* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001082029137*

Ngày cấp: *19/12/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Ngõ 315, đường Trần Lãm, Tổ 12, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ngõ 315, đường Trần Lãm, Tổ 12, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1255 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02 -07- 2026
Người thực hiện chứng thực ký

**TRƯỞNG PHÒNG**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

*Phạm Thị Phương*

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
*Nguyễn Thị Ngân*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

**Mã số địa điểm kinh doanh: 00001**

*Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024*

**1. Tên địa điểm kinh doanh:** ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

*Thửa đất số 285, tổ 4, Thị Trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Điện thoại: *02273.851.130 - 02273.851.245* Fax:
Email: Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: TRẦN THỊ TRÀ Giới tính: *Nữ*
Sinh ngày: *01/06/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034179001666*
Ngày cấp: *18/12/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 40, đường Nguyễn Đình Chính, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 40, đường Nguyễn Đình Chính, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 1001060282
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

*Phạm Thị Phương*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1253 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02-07-2025
Người thực hiện chứng thực ký

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
*Nguyễn Thị Ngân*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

***CERTIFICATE***

***OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS***

**CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH**

***THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE***

## CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

**Cơ sở/*Establishment:* ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED**

**Mã số/*Approval number:* 1001060282 -00001**

**Địa chỉ/*Address:* Thửa đất số 285, tổ 4, T.tr Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình**

**Điện thoại/*Tel:* 02273.851.245**

## Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để xay xát gạo

**Số cấp/Number:** 100/2024/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 25 tháng 12 năm 2027

*Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

**CHI CỤC TRƯỞNG**

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

**Nguyễn Anh Tuấn**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1254 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02-07-2025
Người thực hiện chứng thực ký

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
NGUYỄN THỊ NGÂN
ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Ngân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMENT OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

## CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: DỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THÁI BÌNH BẾN

Mã số/Approval number: 01-00282-3-000619

Địa chỉ/Address: Thôn Đền Mỏ 2, Xã Tây Phong, Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/Tel: 0973.881.282

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất gạo

Số cấp/Number: 100/2024/[illegible]NT-TB-CCQLCL

Có hiệu lực đến ngày 25 tháng [illegible] năm 2029

Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12564 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 02-01-2025

Người thực hiện chứng thực ký

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 394
Ngày: 29/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/THAIBINHSEED COMPANY/2026

## I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed thuộc Công ty CP Tập đoàn ThaiBinh Seed.
- Địa chỉ: Số 36, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 02273.851.245
- Email: congtyluongthuc@thaibinhseed.vn
- Mã số thuế: 1001060282
- Đơn vị sản xuất: Địa điểm kinh doanh công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed
- Địa chỉ: Thửa đất số 285, thôn 1, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ sau sắp xếp tổ chức lại và đổi tên thôn).
- Mã số: 1001060282 – 00001
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Số 100/2024/NNPTNT-TB-QLCL do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình cấp ngày 25 tháng 12 năm 2024.

## II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

**1.** Tên sản phẩm: Gạo Sông Vàng

**2.** Thành phần: 100% gạo Sông Vàng

**3.** Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bao hút chân không 1kg: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bao 3kg, 5kg, 10kg: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bao 20kg, 25kg, 40kg, 50kg: 04 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4.** Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Bao 1kg, 3kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg, 40kg, 50kg hoặc đóng gói với khối lượng quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ PA, PE và PP... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm** *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*: không

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

**IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed thuộc Công ty CP Tập đoàn ThaiBinh Seed cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức giới hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng Aflatoxin B1 | µg/kg | 5 |
| 2 | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) | µg/kg | 10 |
| 3 | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/kg | 3 |

- QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức giới hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng kim loại chì (Pb) | mg/kg | 0,2 |
| 2 | Hàm lượng kim loại Cadimi (Cd) | mg/kg | 0,4 |
| 3 | Hàm lượng Asen | mg/kg | 1,0 |

- Sản phẩm gạo Sông Vàng đạt chất lượng theo TCVN 11888:2017 về gạo trắng

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực

phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Hưng Yên, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 1001060282
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
TỈNH HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

*Đỗ Thị Hồng Duyên*

# PHỤ LỤC 1: MẪU DỰ KIẾN NHÃN SẢN PHẨM

*(Đính kèm tự công bố số: 04/THAIBINHSEED COMPANY/2026)*

**1. Tên sản phẩm: Gạo Sông Vàng**

**2. Thành phần**: 100% gạo Sông Vàng

**3. Hướng dẫn sử dụng**:

Bước 1: Đong gạo theo nhu cầu, vo nhẹ

Bước 2: Cho nước và gạo theo tỉ lệ 1,1 – 1,3 lít nước/ 1kg gạo

Bước 3: Nấu cơm. Sau khi cơm sôi, giữ ấm 20 phút trước khi thưởng thức

**4. Hướng dẫn bảo quản**: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh côn trùng sống, tránh mùi lạ

**5. Thông tin khuyến cáo**: Không sử dụng khi sản phẩm đã đổi màu hoặc có mùi lạ

**6. Khối lượng tịnh:** … kg

**7. NSX, HSD:** in trên bao bì

**8. SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN THAIBINH SEED**

**Trụ sở chính:** Số 36, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

**Nơi sản xuất**: Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH MTV kinh doanh lương thực ThaiBinh Seed

**Địa chỉ**: Thôn 1, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên

**Tel**: 02273.851.245

**Email:** congtyluongthuc@thaibinhseed.vn

**10. Xuất xứ tại:** Việt Nam

| Mã QR | Mã vạch |
|---|---|

CÔNG TY
TNHH MTV
KINH DOANH
LƯƠNG THỰC
THÁI BÌNH SEED
TỈNH HƯNG YÊN

TECHLAB GLOBAL

ilac-MRA VACI VALAS 217

# CÔNG TY CỔ PHẦN TECHLAB GLOBAL

## TEST REPORT/
## *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

### I. CLIENT INFORMATION/ *THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:*

| | | |
|---|---|---|
| Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) | : | CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED |
| Address (*Địa chỉ*) | : | Số 36, Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên |

### II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ *THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:*

| | | |
|---|---|---|
| JOB No. (*Số phiếu yêu cầu phân tích*) | : | TL260814008 |
| Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) | : | Gạo Sông Vàng |
| Sample description (*Mô tả mẫu*) | : | Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn |
| Seal No (*Số niêm*) | : | Không niêm phong |
| Source of sample (*Nguồn mẫu*) | : | Khách hàng gửi mẫu |
| Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) | : | 14/08/2026 |
| Testing time (*Thời gian thử nghiệm*) | : | 14/08/2026 - 21/08/2026 |
| Report date (*Ngày trả kết quả*) | : | 21/08/2026 |
| Test results (*Kết quả thử nghiệm*) | : | (See next page/ *Xem trang sau*) |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) The test was performed by a subcontracted laboratory evaluated and approved by TECHLAB/ *Chỉ tiêu được thực hiện tại phòng thử nghiệm hợp đồng phụ đã được TECHLAB đánh giá và phê duyệt.*
2. (1) Parameter is accredited *ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
3. (2) Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan nhà nước / Test parameters specified by a state authority
4. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<1,8;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
5. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our TECHLAB Terms and Conditions. TECHLAB only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của* TECHLAB. *TECHLAB chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả*
6. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of TECHLAB is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện TECHLAB*

**Authorized Technical Representative/**
***Phụ trách kỹ thuật***

**NGUYỄN TUẤN ANH**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2156 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 28-10-2026
Người thực hiện chứng thực ký

**On behalf of TECHLLAB**
***Đại diện TECHLAB***

**HOÀNG VĂN HUYNH**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG - T. HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Ngân

# TEST REPORT/
# *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

**Code/** *Mã mẫu:* TL260814008/4

**Sample name/** *Tên mẫu:* Gạo

**Information provided by applicant/** *Thông tin được khách hàng cung cấp:* Gạo Sông Vàng

| STT | Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích* | Test Method/ *Phương pháp* | Unit/ *Đơn vị* | LOD | Result/ *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ ẩm(1) | TLG-HH1134 Ref. AOAC 931.04 | % | 0,030 | 11,6 |
| 2 | Asen (As)(1) | AOAC 986.15 | mg/kg | 0,010 | 0,091 |
| 3 | Ochratoxin A(1)(*) | MKL-HH331 Ref. TCVN 9724:2013 | µg/kg | 1,00 | ND |
| 4 | Aflatoxin B1(1)(*) | MKL-HH307 Ref: TCVN 7596:2007(ISO 16050: 2003) | µg/kg | 0,500 | ND |
| 5 | Aflatoxin tổng số(1)(*) | MKL-HH307 Ref: TCVN 7596:2007(ISO 16050: 2003) | µg/kg | 0,500 | ND |
| 6 | Cadimi (Cd)(1)(*) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0,002 | 0,013 |
| 7 | Chì (Pb)(1)(*) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0,016 | ND |
| 8 | Cảm quan (Trạng thái)(*) | MKL-HH223 Ref. TCVN 3215:1979 | / | / | Dạng hạt khô, rời,không có hiện tượng nấm mốc hay bất thường |
| 9 | Cảm quan (Màu sắc)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Màu trắng ngà đặc trưng cho sản phẩm |
| 10 | Cảm quan (Vị)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Vị ngọt nhẹ khi nhai kỹ, đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ |
| 11 | Cảm quan (Mùi)(*) | TCVN 11888:2017 | / | / | Mùi đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ |
| 12 | Dư lượng TBVTV nhóm Chlor hữu cơ(1)(*) | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/4 | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/4 | | Xem PHỤ LỤC: TL260814008/4 |

# TEST REPORT/
# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**APPENDIX/ PHỤ LỤC:**

**Code/** *Mã mẫu:* TL260814008/4

**Sample name/** *Tên mẫu:* Gạo

**Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* Gạo Sông Vàng

| Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích* | Substance/ *Chất* | Test Method/ *Phương pháp* | Unit/ *Đơn vị* | LOD | Result/ *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| Dư lượng TBVTV nhóm Chlor hữu cơ[1](*) | Dicofol-p,p'-[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan I (alpha isomer)[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Aldrin[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Alpha-BHC[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Beta-BHC[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Chlordane-cis[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Chlordane-trans[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDD-o,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDD-p,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDE-p,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDE-o,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDT-o,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | DDT-p,p'[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Delta-BHC[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Dieldrin[1] | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |

# TEST REPORT/
# *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

**APPENDIX/ PHỤ LỤC:**

**Code/** *Mã mẫu:* **TL260814008/4**

**Sample name/** *Tên mẫu:* Gạo

**Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* Gạo Sông Vàng

| Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích* | Substance/ *Chất* | Test Method/ *Phương pháp* | Unit/ *Đơn vị* | LOD | Result/ *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|
| | Endosulfan ether(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan II (beta isomer)(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endosulfan sulfate(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin aldehyde(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Endrin ketone(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Gamma-BHC (Lindane)(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Heptachlor(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Heptachlor exo-epoxide(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Hexachlorobenzene(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Isodrin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Methoxychlor olefin(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Methoxychlor, p,p'-(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Mirex(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |
| | Nonachlor, trans-(1) | MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662: 2018 | mg/kg | 0,003 | ND |

BẢN SAO

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

**Mã số doanh nghiệp: 1001060282**

*Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 03 năm 2015*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 13 tháng 03 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAIBINH SEED FOODS TRADING ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THAIBINH SEED COMPANY

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Điện thoại: *02273.851.130 - 02273.851.245* Fax: *02273.851.121*

Email: Website: *thaibinhseed.com.vn*

**3. Vốn điều lệ :** 2.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAIBINH SEED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *1000215462*

Ngày cấp: *21/04/2022* Nơi cấp: *Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

* Họ và tên: BÙI QUANG TUẤN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *01/06/1982* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001082029137*

Ngày cấp: *19/12/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Ngõ 315, đường Trần Lãm, Tổ 12, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ngõ 315, đường Trần Lãm, Tổ 12, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1255 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02-07-2026
Người thực hiện chứng thực ký

**TRƯỞNG PHÒNG**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

*Phạm Thị Phương*

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
*Nguyễn Thị Ngân*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

*CERTIFICATE*

*OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS*

**CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH**

*THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE*

## CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

**Cơ sở/*Establishment:* ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED**

**Mã số/*Approval number:* 1001060282 - 00001**

**Địa chỉ/*Address:* Thửa đất số 285, tổ 4, T.tr Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình**

**Điện thoại/*Tel:* 02273.851.245**

## Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để xay xát gạo

**Số cấp/Number:** 100/2024/NNPTNT-TB-QLCL.

Có hiệu lực đến ngày 25 tháng 12 năm 2027

*Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

**CHI CỤC TRƯỞNG**

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

**Nguyễn Anh Tuấn**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1259 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02-07-2025
Người thực hiện chứng thực ký

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.L
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
ĐÔNG HƯNG-T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Ngân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB-DEPARTMENT OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THÁI NINH SEED

Mã số/Approval number: 1001260292 - 00001

Địa chỉ/Address: Thôn Cửu xá 265, xã 6, Tây Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/Tel: 0973.263.245

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất gạo

Số cấp/Number: 1001260292/2024/ATTP-TB-CNT

Có hiệu lực đến ngày 25 tháng 12 năm 2027

Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4257 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 12-12-2024

Người thực hiện chứng thực ký

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

**Mã số địa điểm kinh doanh: 00001**

*Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024*

**1. Tên địa điểm kinh doanh:** ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

*Thửa đất số 285, tổ 4, Thị Trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Điện thoại: *02273.851.130 - 02273.851.245* Fax:
Email: Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: TRẦN THỊ TRÀ Giới tính: *Nữ*
Sinh ngày: *01/06/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034179001666*
Ngày cấp: *18/12/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*
Địa chỉ thường trú: *Số 40, đường Nguyễn Đình Chính, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Số 40, đường Nguyễn Đình Chính, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH LƯƠNG THỰC THAIBINH SEED
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 1001060282
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 36, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

*Phạm Thị Phương*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1253 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày: 02-07-2025
Người thực hiện chứng thực ký

S.Đ.K.H.Đ:19-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG - T.HƯNG YÊN

CÔNG CHỨNG VIÊN
*Nguyễn Thị Ngân*